

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Di chuyển đường dây 35kV lộ 371-E9.1 nhánh rẽ Đông Nam và Trạm biến áp phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng Khu thương mại và dân cư A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5220/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và dân cư lô A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 6754/UBND-KTTC ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao tổ chức di chuyển công trình đường điện trung thế 35kV – Lộ 371-E9.1 nhánh rẽ Đông Nam khi GPMB dự án Khu thương mại và dân cư lô A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ) tại Tờ trình số 396/TTr-TTPTQĐ ngày 23/6/2021 kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình của Sở Công Thương tại Công văn số 1658/SCT-QLĐN ngày 18/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Di chuyển đường dây 35kV lộ 371-E9.1 nhánh rẽ Đông Nam và Trạm biến áp phục vụ GPMB xây

dựng Khu thương mại và dân cư A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Di chuyển đường dây 35kV lộ 371-E9.1 nhánh rẽ Đông Nam và Trạm biến áp phục vụ GPMB xây dựng Khu thương mại và dân cư A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa

4. Nguồn vốn đầu tư: Từ chi phí bồi thường GPMB của dự án Khu thương mại và Dân cư A-TM3, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

5. Địa điểm xây dựng: phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

6. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Nam Lam Sơn.

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 4.713.718.000 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm mười ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.658.868.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	1.097.044.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	117.901.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	308.908.000 đồng
- Chi phí khác:	100.576.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	430.421.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

8. Nội dung thiết kế, giải pháp kỹ thuật:

Di chuyển Đường dây 35kV phục vụ GPMB xây dựng khu thương mại và dân cư A-TM3 phường Đông Hương, TP Thanh Hóa có thiết kế như sau:

8.1. Phần tháo dỡ, thu hồi:

8.1.1. Đường dây 35kV:

Tháo dỡ thu hồi đoạn tuyến đường dây 35kV lộ 371-E9.1 từ vị trí cột 22 đến 25 gồm 02 vị trí cột loại LT-14m, có chiều dài tuyến là 241m sử dụng dây dẫn 3xAC-120/19mm².

Kết cấu chung của tuyến: Cột: LT-14m; Xà, phụ kiện: XNBSĐ-2LT/N-35; XĐC+CSV-2T; XNBSĐ-1LT, Đôn 2m; Sứ đứng 35kV; sứ chuỗi 35kV; gông cột đôi; Thiết bị bảo vệ: 01 Chống sét van 35kV; Dây dẫn: AC-120/19mm²; AL/XLPE/PVC-3x50mm²-35kV; dây chịu lực TK50.

8.1.2. TBA công suất 50kVA-35/0,4kV:

Thu hồi 01 TBA 50kVA-35/0,4kV có kết cấu: Kiểu trạm: trạm treo, hệ xà và thiết bị cao hạ thế được treo trên 02 cột BTLT 12m; MBA 50kVA-35/0,4kV = 01 máy; Thiết bị bảo vệ: chống sét van 35kV; cầu chì tự rơi 35kV; Thanh dẫn bằng đồng tròn F8; tủ hạ thế loại 500V, 01 hệ tiếp địa trạm và các vật tư vật liệu phụ khác.

8.2. Phần xây dựng mới:

8.2.1 Đường dây trung thế:

Xây dựng mới đoạn tuyến đường dây trung thế lộ 371E9.1 từ vị trí (22÷23÷TBA CS÷25), gồm 01 vị trí cột loại LT-18m, có chiều dài tuyến là 372m, sử dụng dây dẫn loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x240mm²-40,5kV; 3xAC120/19mm². Đoạn tuyến từ cột 23 đến 25 được hạ ngầm trên vỉa hè và dải phân cách quy hoạch, vị trí cột đầu nối được bố trí chống sét van 35kV, cầu dao phụ tải 35kV để bảo vệ và thao tác đường dây.

Kết cấu chung của tuyến:

- + Cột: 2LT-18D; Móng bê tông cốt thép M150 loại MTK-8;
- + Cách điện loại: Chuỗi néo đơn 35kV; chuỗi néo kép 35kV;
- + Xà thép mạ kẽm nhúng nóng loại: XNBSC-2LT/N-35; XNBSC-2LT/D-35; XĐC+CSV-2T; XCD-2T; XP-3;
- + Dây dẫn loại: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x240mm²-40,5kV; 3xAC120/19mm²; Dây đầu lèo loại Al/XLPE/PVC-1x240mm²-35kV;
- + Hào cáp: được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+tấm đan bê tông+lưới bảo hiệu cáp; cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-195/150, đoạn qua đường được đi trong ống thép D150;
- + Vật liệu đầu nối: Đầu cáp ngoài trời 3x240mm²-3M-35kV; Đầu cáp T.PLUG IN 3x240mm²-35kV; hộp nối cáp 3x240mm²-3M;
- + Thiết bị bảo vệ+thao tác đường dây: Chống sét van Cooper 35kV; cầu dao phụ tải 35kV-630A;
- + Dự phòng cáp+ hố ga: tuyến đường dây được bố trí 02 hố ga kỹ thuật (1660x1640x1770) phục vụ việc thao tác và sửa chữa sau này. Cáp được dự phòng trong các hố được xây bằng gạch đặc có kích thước 2540x1480x1450, nắp dầy bằng bê tông M200 đá 1x2;
- + Tiếp địa cột bằng thép hình được mạ kẽm nhúng nóng loại L63x63x6 dài 2,5m.

8.2.2. Trạm biến áp

Xây dựng mới 01 TBA 50kVA-35/0,4kV: Trạm biến áp được đặt trên dải phân cách giữa của tuyến đường giao thông đã được quy hoạch.

- Kiến trúc trạm: trạm có kết cấu kiểu 1 cột, máy biến áp được đặt trên trụ đỡ, tủ RMU được đặt trên móng tủ có kích thước (1595x1100x1100), tủ hạ thế được đặt trên móng có kích thước (1100x700x1100). Trạm biến áp được đặt trên cột BTLT cao 3,8m+móng trụ đỡ bằng bê tông cốt thép M200. Toàn bộ trạm được thiết kế trọn bộ do Công ty CP ĐTXD và TM Nam Lam Sơn lập.

* Thiết bị trạm gồm: 01 Máy biến áp công suất 50kVA-35/0,4kV (đảm bảo hiệu suất E50% theo TCVN 8525:2010), có hộp che cực mặt máy biến áp.

- Trạm biến áp kiểu 1 cột gồm RMU 35kV-630A-20kA/s; tủ điện hạ thế 100A-500V.

- Đầu cáp 3x50-35kV ELBOW đầu vào cực MBA; Đầu cáp 3 pha 35kV 3x50-35kV TEE PLUG đầu vào tủ RMU; Cáp từ MBA đến tủ 0,4kV loại Cu/XLPE/PVC 4x50mm².

- Tiếp địa trạm: Kiểu dọc, tia hồ hợp gồm 08 cọc L63x63x5 dài 2,5m và dây nối bằng thép dẹt 40x4 đảm bảo $R_{nđ} \leq 10\Omega$ và các vật liệu phụ khác đi kèm

(Chi tiết có các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (T601).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Di chuyển đường dây trung thế 35kV lộ 371-E9.1 Nhánh rẽ Đông Nam và trạm biến áp phục vụ GPMB xây dựng khu thương mại và dân cư A-TM3 phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(đơn vị tính: đồng)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd = Gth+Gxlt+Gmsta+Gtba+Gmstba+Gpxd)	2,417,152,425	241,715,242	2,658,868,000
	- Chi phí tháo dỡ thu hồi (Gth)	56,575,659	5,657,566	62,233,225
	- Chi phí phần đường dây trung thế (Gxlt)	2,251,602,246	225,160,225	2,476,762,470
	- Chi phí phần trạm biến áp (1 cột) (Gtba)	108,974,520	10,897,452	119,871,972
2	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Gtb)	997,312,718	99,731,272	1,097,044,000
	Chi phí mua sắm thiết bị (Gmstb)	963,169,403	96,316,940	1,059,486,343
	- Mua sắm thiết bị	951,096,000	95,109,600	1,046,205,600
	- Chi phí vận chuyển	1,593,815	159,382	1,753,197
	- Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của nhà thầu: 1,1%*Gmstb	10,479,588	1,047,959	11,527,547
	Chi phí lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị			

		34,143,315	3,414,331	37,557,646
3	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	117,901,481	-	117,901,000
	- Chi phí QLDA: $3,453\% \cdot (G_{xd} + G_{tb})$	117,901,481	-	117,901,481
4	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	281,237,639	27,670,548	308,908,000
	- Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: $4,735\% \cdot (G_{xd} + G_{tb})$	162,118,805	16,211,880	178,330,685
	- Chi phí giám sát thi công: $3,508\% \cdot G_{xd}$	84,793,707	8,479,371	93,273,078
	- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị: $1,147\% \cdot G_{mstb}$	11,047,553	1,104,755	12,152,308
	- Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật: $0,19\% \cdot G_{xd} \cdot 0,5\%$	2,296,295		2,296,295
	- Chi phí thẩm định dự toán: $0,185\% \cdot G_{xd} \cdot 0,5\%$	2,235,866		2,235,866
	- Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng: $0,549\% \cdot G_{xd}$	13,270,167	1,327,017	14,597,183
	- Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị: $0,549\% \cdot G_{tb}$	5,475,247	547,525	6,022,772
5	CHI PHÍ KHÁC	99,309,594	1,266,738	100,576,000
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: $0,57\% \cdot TMĐT$	24,510,000		24,510,000
	- Chi phí kiểm toán công trình: $0,96\% \cdot TMĐT$	41,280,000		41,280,000
	- Chi phí thẩm định dự án: $0,019\% \cdot TMĐT$	847,400		847,400

	- Chi phí thẩm định KQĐT, HSMT các gói thầu: $Gxd \cdot 0,1\%$	2,417,152	241,715	2,658,868
	- Chi phí bảo hiểm công trình: $0,3\% \cdot (Gxd + Gtb)$	10,250,224	1,025,022	11,275,247
	- Chi phí nghiệm thu đóng điện: $(Gmsta + Gxlta) \cdot 0,54\% + (Gtba + Gmstba) \cdot 7,2\%$	20,004,818		20,004,818
6	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	391,291,386	39,129,139	430,421,000
	- Chi phí dự phòng do yếu tố phát sinh: $5\% \cdot (1+2+3+4+5)$	195,645,693	19,564,569	215,210,262
	- Chi phí dự phòng do trượt giá: $5\% \cdot (1+2+3+4+5)$	195,645,693	19,564,569	215,210,262
	<u>TỔNG CỘNG:</u> (1+2+3+4+5+6)	4,304,205,243	409,512,938	4,713,718,000